

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 36

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Viêt Muôn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Miyabe Toshiaki	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 10 năm 2018
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên	
Ông Đặng Kim Sơn	Thành viên	
Ông Trần Đình Long	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Quốc Khánh	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Duy Hưng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trà My	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Khắc Hải	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính	từ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số A01-05/2018/UQ-PAN ngày 10 tháng 5 năm 2018.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Long An, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61063721/20263958

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến *Thuyết minh số 2.1* của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 28 tháng 3 năm 2019 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1070-2018-004-1

Từ Thái Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.600.650.370.378	188.281.513.663
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.226.263.227.436	7.914.044.578
111	1. Tiền		650.158.801.521	7.914.044.578
112	2. Các khoản tương đương tiền		576.104.425.915	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		373.846.414.600	179.801.466.556
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	24.311.743.892	37.803.452.517
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		216.745.405	225.838.046
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	20	354.000.000.000	154.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	10.514.995.217	2.969.245.907
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(15.197.069.914)	(15.197.069.914)
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		540.728.342	566.002.529
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		183.429.320	208.543.507
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		328.179.447	328.339.447
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	29.119.575	29.119.575
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.609.603.065.232	2.024.899.967.264
210	I. Phải thu dài hạn		89.200.000	89.200.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	89.200.000	89.200.000
220	II. Tài sản cố định		13.847.853.091	10.753.156.558
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	13.847.853.091	10.753.156.558
222	Nguyên giá		25.264.755.957	21.156.824.457
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.416.902.866)	(10.403.667.899)
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8	2.590.648.445.250	2.009.254.808.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.346.847.792.000	1.999.800.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		243.800.653.250	9.454.808.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		5.017.566.891	4.802.802.706
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		510.714.557	281.526.185
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19.3	4.506.852.334	4.521.276.521
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.210.253.435.610	2.213.181.480.927

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.152.989.099.121	18.304.057.037
310	I. Nợ ngắn hạn		47.286.998.626	18.304.057.037
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	779.782.891	535.734.014
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	2.557.855.277	268.658.191
314	4. Phải trả người lao động		7.413.687	7.863.687
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	28.804.107.178	1.472.563.341
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	12	3.492.323.785	3.140.952.401
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.437.206.909	12.669.976.504
330	II. Nợ dài hạn	13	1.105.702.100.495	-
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		1.105.702.100.495	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.057.264.336.489	2.194.877.423.890
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	3.057.264.336.489	2.194.877.423.890
411	1. Vốn cổ phần		1.361.016.300.000	1.177.236.300.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.361.016.300.000	1.177.236.300.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.677.421.643.351	1.021.071.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.020.000.000)	(561.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối		8.332.594.870	(14.382.817.729)
421a	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(16.382.817.729)	7.900.020.265
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) năm nay		24.715.412.599	(22.282.837.994)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.210.253.435.610	2.213.181.480.927

Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu

Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.1	-	18.000.000
20	2. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		-	18.000.000
21	3. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	85.960.390.142	14.645.322.585
22	4. Chi phí tài chính	16	(34.112.487.100)	(45.237.250)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(29.941.365.536)	-
26	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17, 18	(24.492.797.525)	(39.272.065.615)
30	6. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		27.355.105.517	(24.653.980.280)
31	7. Thu nhập khác		892.509.091	-
32	8. Chi phí khác		(1.111.290.374)	(668.271.697)
40	9. Lỗ khác		(218.781.283)	(668.271.697)
50	10. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		27.136.324.234	(25.322.251.977)
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.1	(2.406.487.448)	-
52	12. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	19.3	(14.424.187)	3.039.413.983
60	13. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		24.715.412.599	(22.282.837.994)



Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		27.136.324.234	(25.322.251.977)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	7	1.197.888.295	1.069.189.054
03	Các khoản dự phòng		-	15.197.069.914
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(85.740.143.470)	(14.645.322.585)
06	Chi phí lãi vay	16	29.941.365.536	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(27.464.565.405)	(23.701.315.594)
09	Giảm các khoản phải thu		13.782.800.953	2.747.697.643
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(23.056.408.888)	577.845.080
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(35.760.709.089)	593.167.472
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.924.256.858)	(3.017.575.699)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(75.423.139.287)	(22.800.181.098)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(5.406.841.750)	(1.428.899.000)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		890.909.091	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(200.000.000.000)	(375.548.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	291.548.000.000
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(590.848.445.250)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		56.491.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		31.185.700.054	13.018.159.496
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(707.687.677.855)	(72.410.739.504)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		867.480.000.000	-
32	Tiền mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.020.000.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		1.135.000.000.000	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.001.460.000.000	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.218.349.182.858	(95.210.920.602)
60	Tiền đầu năm		7.914.044.578	103.124.965.180
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	1.226.263.227.436	7.914.044.578



Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là thực hiện các hoạt động nông nghiệp và các hoạt động khác có liên quan, đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có chi nhánh tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 19 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 18).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	99,99%	99,99%	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
Công ty Cổ phần Pan Farm	Quận Đống Đa, Hà Nội	81,92%	81,92%	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Thành phố Sóc Trăng	48,83%	34,17%	Chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu, chế biến nông sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	99,99%	99,99%	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
Công ty Cổ phần Pan Farm	Quận Đống Đa, Hà Nội	81,92%	81,92%	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại *Thuyết minh số 1* và *Thuyết minh số 8.1*. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) đề ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Việt Nam đồng (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.5 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.7 Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.11 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.12 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Thu nhập tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	40.120.000	37.976.400
Tiền gửi ngân hàng	650.118.681.521	7.876.068.178
Các khoản tương đương tiền (*)	576.104.425.915	-
TỔNG CỘNG	1.226.263.227.436	7.914.044.578

(*) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI có thời hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Dịch vụ Phúc Bảo Minh	24.311.743.892	37.803.452.517
TỔNG CỘNG	24.311.743.892	37.803.452.517
Dự phòng giảm giá phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi	(15.197.069.914)	(15.197.069.914)
GIÁ TRỊ THUẦN	9.114.673.978	22.606.382.603

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	Năm nay	VND Năm trước
Số đầu năm	15.197.069.914	-
Dự phòng trích lập trong năm	-	15.197.069.914
Số cuối năm	15.197.069.914	15.197.069.914

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Lãi dự thu	9.847.977.540	2.109.479.452
Ký quỹ	536.987.976	447.248.666
Tạm ứng nhân viên	130.029.701	140.749.239
Khác	-	271.768.550
	<u>10.514.995.217</u>	<u>2.969.245.907</u>
Dài hạn		
Ký quỹ	89.200.000	89.200.000
TỔNG CỘNG	10.604.195.217	3.058.445.907
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 20)</i>	10.455.298.850	2.886.942.002
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	148.896.367	171.503.905

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND			
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	13.778.633.885	6.925.609.422	452.581.150	21.156.824.457
Mua mới	-	5.106.000.000	386.831.500	5.492.831.500
Thanh lý	-	(1.384.900.000)	-	(1.384.900.000)
Số cuối năm	<u>13.778.633.885</u>	<u>10.646.709.422</u>	<u>839.412.650</u>	<u>25.264.755.957</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.256.809.102	1.660.440.540	408.582.150	5.325.831.792
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	7.512.377.456	2.491.613.955	399.676.488	10.403.667.899
Khấu hao trong năm	507.339.528	662.525.366	28.023.401	1.197.888.295
Thanh lý	-	(184.653.328)	-	(184.653.328)
Số cuối năm	<u>8.019.716.984</u>	<u>2.969.485.993</u>	<u>427.699.889</u>	<u>11.416.902.866</u>
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	<u>6.266.256.429</u>	<u>4.433.995.467</u>	<u>52.904.662</u>	<u>10.753.156.558</u>
Số cuối năm	<u>5.758.916.901</u>	<u>7.677.223.429</u>	<u>411.712.761</u>	<u>13.847.853.091</u>

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 8.1</i>)	2.346.847.792.000	1.999.800.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 8.2</i>)	243.800.653.250	9.454.808.000
TỔNG CỘNG	<u>2.590.648.445.250</u>	<u>2.009.254.808.000</u>

8.1 Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN (i)	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000	99,99
Công ty Cổ phần PAN Farm (ii)	999.900.000.000	81,92	999.900.000.000	81,92
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (iii)	347.047.792.000	34,17	-	-
TỔNG CỘNG	<u>2.346.847.792.000</u>		<u>1.999.800.000.000</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

8.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1-9, Đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức Tỉnh Long An, Việt Nam.
- (ii) Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0107519768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- (iii) Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5903000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 12 năm 2002, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Vào ngày 2 tháng 10 năm 2018, Công ty nhận chuyển nhượng 13.328.000 cổ phiếu từ Công ty Cổ phần Pan Farm với giá chuyển nhượng là 26.000 VND/cổ phiếu theo Thông báo Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ của công ty đại chúng số 74.18/PAN-CV ngày 26 tháng 9 năm 2018. Việc nhượng bán đã hoàn thành theo theo Thông báo số 77.18/PAN-CV ngày 4 tháng 10 năm 2018.

8.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (*)	243.800.653.250	20	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình (**)	-	-	5.000.000.000	20
Công ty TNHH Liên Thái Bình (**)	-	-	4.454.808.000	20
TỔNG CỘNG	243.800.653.250		9.454.808.000	

(*) Vào ngày 1 tháng 11 năm 2018, Công ty đã chào mua 6.323.000 cổ phiếu với giá chào mua là 38.500 VND/cổ phiếu theo Thông báo số 93.18/PAN-CV ngày 2 tháng 11 năm 2018. Việc chào mua hoàn thành theo thông báo số 94.18/PAN-CV ngày 2 tháng 11 năm 2018.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tương đương 20% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Xuyên Thái Bình và 20% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Liên Thái Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên khác	422.282.891	316.025.058
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	<u>357.500.000</u>	<u>219.708.956</u>
TỔNG CỘNG	<u>779.782.891</u>	<u>535.734.014</u>

10. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.406.487.448	-	2.406.487.448
Thuế thu nhập cá nhân	268.658.191	1.220.644.395	(1.337.934.757)	151.367.829
Khác	<u>(29.119.575)</u>	<u>4.500.000</u>	<u>(4.500.000)</u>	<u>(29.119.575)</u>
TỔNG CỘNG	<u>239.538.616</u>	<u>3.631.631.843</u>	<u>(1.342.434.757)</u>	<u>2.528.735.702</u>
Trong đó:				
Phải nộp	268.658.191			2.557.855.277
Trả trước	<u>(29.119.575)</u>			<u>(29.119.575)</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay	23.682.630.137	-
Chi phí tư vấn	4.076.424.000	-
Phí kiểm toán	132.000.000	143.000.000
Khác	<u>913.053.041</u>	<u>1.329.563.341</u>
TỔNG CỘNG	<u>28.804.107.178</u>	<u>1.472.563.341</u>

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.075
Khác	<u>3.399.543.709</u>	<u>3.048.172.326</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.492.323.785</u>	<u>3.140.952.401</u>
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 20)	450.000.000	300.000.000
Phải trả các bên khác	<u>3.042.323.785</u>	<u>2.840.952.401</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Trái phiếu phát hành	1.105.702.100.495	-	-

Vào ngày 3 tháng 9 năm 2018, Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01-09/2018/NQ-HDQT của Hội đồng quản trị của tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định với số lượng phát hành là 1.135 trái phiếu, mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, lãi suất 6,8%/năm, ngày đáo hạn là ngày 10 tháng 9 năm 2023. Đại lý phát hành và bảo lãnh là Credit Guarantee and Investment Facility (CGIF), là một quỹ tin thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á.

Loại phát hành theo mệnh giá	Số cuối năm			Hình thức đảm bảo
	Giá trị	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	845.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ AIA (Việt Nam)	170.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hanwha Life Việt Nam	75.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Sun Life Việt Nam	45.000.000.000	6,8%	5 năm	7.720.577 cổ phần của công ty thành viên
TỔNG CỘNG	1.135.000.000.000			
Chi phí phát hành	(29.297.899.505)			
Giá trị thuần	1.105.702.100.495			

Chi phí phát hành trái phiếu là 35.556.634.904 VND. Công ty đã phân bổ chi phí này trong năm với số tiền là 6.258.735.399 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	1.023.724.970.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	167.044.674.738	2.222.793.586.357
Tăng vốn trong năm	153.511.330.000	-	-	-	(153.511.330.000)	-
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(22.282.837.994)	(22.282.837.994)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.633.324.473)	(5.633.324.473)
Số cuối năm	1.177.236.300.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	(14.382.817.729)	2.194.877.423.890
Năm nay						
Số đầu năm	1.177.236.300.000	1.021.071.143.351	(561.000.000)	11.513.798.268	(14.382.817.729)	2.194.877.423.890
Tăng vốn trong năm (*)	183.780.000.000	656.350.500.000	561.000.000	-	-	840.691.500.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.020.000.000)	-	-	(1.020.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	24.715.412.599	24.715.412.599
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Số cuối năm	1.361.016.300.000	1.677.421.643.351	(1.020.000.000)	11.513.798.268	8.332.594.870	3.057.264.336.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có 3 lần tăng vốn, chi tiết như sau:

- (*) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành 2.478.000 cổ phiếu và tái phát hành 30.000 cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01-04/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-10/2017/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 10 năm 2017, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-11/2017/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-12/2017/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 12 năm 2017. Việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 73/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2018 và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 16 vào ngày 4 tháng 7 năm 2018.
- (*) Vào ngày 25 tháng 9 năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành 13.400.000 cổ phiếu cho Tập đoàn Sojitz nhằm tăng nguồn lực tài chính để đầu tư và tiếp tục thực hiện các dự án mua bán sáp nhập trong chiến lược phát triển gắn với nông nghiệp và thực phẩm với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01-10/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 9 năm 2018, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04-09/2018/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 9 năm 2018. Việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 433/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 10 năm 2018 và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 vào ngày 23 tháng 10 năm 2018.
- (*) Vào ngày 26 tháng 11 năm 2018, Công ty đã thực hiện phát hành 2.500.000 cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo chương trình lựa chọn cho người lao động với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 01-04/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2018 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02-10/2018/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 10 năm 2018. Việc niêm yết bổ sung đã được chấp thuận bởi Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh Quyết định số 543/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 12 năm 2018 và bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 18 vào ngày 4 tháng 1 năm 2019.

14.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.177.236.300.000	1.023.724.970.000
Tăng trong năm	<u>183.780.000.000</u>	<u>153.511.330.000</u>
Số cuối năm	<u>1.361.016.300.000</u>	<u>1.177.236.300.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm Số cổ phần	Số đầu năm Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	136.101.630	117.723.630
Cổ phiếu đã phát hành <i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i> Cổ phiếu phổ thông	136.101.630	117.723.630
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) Cổ phiếu phổ thông	(102.000)	(30.000)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	135.999.630	117.693.630

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu	-	18.000.000
<i>Trong đó:</i> Doanh thu cho thuê	-	18.000.000
<i>Trong đó:</i> Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 20)	-	18.000.000

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	47.036.192.000	5.962.465.955
Lãi tiền gửi	24.414.209.101	186.377.178
Thu nhập từ cổ tức	7.780.400.000	6.387.000.000
Lãi cho vay	6.729.589.041	2.109.479.452
TỔNG CỘNG	85.960.390.142	14.645.322.585
<i>Trong đó:</i> Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	31.017.710.610	10.141.336.632
Doanh thu đối với các bên khác	54.942.679.532	4.503.985.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	29.941.365.536	-
Chi phí khác	4.171.121.564	45.237.250
TỔNG CỘNG	34.112.487.100	45.237.250

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.711.254.993	14.213.232.748
Chi phí lương	7.292.147.305	8.337.169.346
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	1.197.888.295	1.069.189.054
Chi phí dự phòng	-	15.197.069.914
Khác	291.506.932	455.404.553
TỔNG CỘNG	24.492.797.525	39.272.065.615

18. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.711.254.993	14.213.232.748
Chi phí lương	7.292.147.305	8.337.169.346
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	1.197.888.295	1.069.189.054
Chi phí dự phòng	-	15.197.069.914
Khác	291.506.932	455.404.553
TỔNG CỘNG	24.492.797.525	39.272.065.615

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.406.487.448	-
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	14.424.187	(3.039.413.983)
TỔNG CỘNG	2.420.911.635	(3.039.413.983)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

19.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	27.136.324.234	(25.322.251.977)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	5.427.264.847	(5.064.450.395)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	3.648.498.733	-
Chi phí không được khấu trừ	573.577.265	328.428.927
Thu nhập từ cổ tức	(1.556.080.000)	(1.277.400.000)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(2.698.341.725)	-
Lỗ năm trước chuyển sang	(2.974.007.485)	-
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	2.974.007.485
Chi phí thuế TNDN	2.420.911.635	(3.039.413.983)

19.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ kế toán khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi	4.506.852.334	4.521.276.521	(14.424.187)	3.039.413.983
	4.506.852.334	4.521.276.521		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(14.424.187)	3.039.413.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.4 Lỗ thuế

Công ty được phép chuyển khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 (năm) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có các khoản lỗ lũy kế (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 14.870.037.424 VND). Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	VND		
			Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2018	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2018
2017	2022	14.870.037.424	(14.870.037.424)	-	-

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông	Tiền chi cho hoạt động đầu tư Lãi từ hoạt động đầu tư Phí tư vấn và phát hành chứng khoán Phí lưu ký chứng khoán	3.940.851.947.869 24.288.121.569 26.697.500.000 12.516.018	291.548.000.000 6.388.865.651 - -
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Mua hàng hóa Chi hộ Doanh thu cho thuê xe	200.000.000.000 6.729.589.041 230.344.540 - -	84.000.000.000 2.109.479.452 470.915.602 36.960.000 18.000.000
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Cùng Tổng giám đốc	Chi phí thuê văn phòng Đặt cọc cho thuê văn phòng	3.219.262.649 89.739.310	1.346.765.898 438.382.000
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng Chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	1.444.559.000	1.761.519.638
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam	Cổ đông	Chi phí thuê văn phòng	-	1.596.258.315
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Chi phí thuê văn phòng	327.600.000	655.200.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam ("Vinasseed")	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa Chi hộ	56.192.500 -	- 216.737.510

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	15.690.898	77.980.650
Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	23.536.348	59.400.917
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	8.440.674	41.043.163
Công ty Cổ phần Bibica	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hoá Chi hộ	39.696.000 20.127.566	640.000 29.055.400
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hoá Chi hộ	19.660.250 15.095.674	15.188.945 25.548.233
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	Cùng Chủ tịch HĐQT	Chi hộ	-	18.452.000
Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hoá Chi hộ	51.334.750	17.000.000 12.320.000
Công ty Quản lý Quỹ SSI	Cổ đông	Chi hộ	-	4.149.250
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty liên kết	Chi hộ	-	3.850.000
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng Chủ tịch HĐQT	Chi hộ	-	2.552.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu khác					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Lãi dự thu Chi hộ	8.839.068.493	-	2.109.479.452 36.960.000
Công ty Cổ phần CSCBC Việt Nam	Cùng Tổng Giám Đốc	Đặt cọc thuê văn phòng	528.121.310	-	438.382.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm PAN	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	-	70.045.250
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	-	49.481.667
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	-	27.486.800
Công ty Cổ Phần Bibica	Cùng Chủ tịch HĐQT	Chi hộ	-	-	21.120.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	Bên liên quan	Chi hộ	-	-	18.452.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Long An	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	-	17.612.833
Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Công ty con gián tiếp	Chi hộ	-	-	12.320.000
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty liên kết	Chi hộ	-	-	3.850.000
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng Chủ tịch HĐQT	Chi hộ	-	-	2.552.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đồng	Lãi dự thu	1.008.909.047	-	-
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	Đặt cọc thuê văn phòng	79.200.000	-	79.200.000
			10.455.298.850		2.886.942.002

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con	Cho vay	354.000.000.000	154.000.000.000	
Đây là khoản cho vay tín chấp gồm khoản cho vay 70.000.000.000 VND đến hạn vào ngày 29 tháng 7 năm 2019, khoản cho vay 84.000.000.000 VND đến hạn vào ngày 27 tháng 12 năm 2019, hưởng lãi suất 2%/năm, và khoản cho vay 200.000.000.000 VND đến hạn vào ngày 10 tháng 9 năm 2023, hưởng lãi suất 8,65%/năm.					
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Cùng Chủ tịch HĐQT	Phí dịch vụ	330.000.000	219.708.956	
Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Công ty con gián tiếp	Mua hàng hóa	27.500.000	-	
			357.500.000	219.708.956	
Phải trả ngắn hạn khác					
Ông Michael Sng Beng Hock	Thành viên HĐQT	Thù lao	450.000.000	300.000.000	
Giao dịch với các bên liên quan khác					
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc như sau:					
			Năm nay	Năm trước	VND
Tiền lương			1.125.681.818	3.020.000.000	
Tiền thưởng			1.420.000.000	550.000.000	
TỔNG CỘNG			2.545.681.818	3.570.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.658.632.098	2.915.028.000
Từ 1 đến 5 năm	-	3.935.316.178
Trên 5 năm	-	6.726.217.105
TỔNG CỘNG	<u>1.658.632.098</u>	<u>13.576.561.283</u>

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay, tiền gửi và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu sau đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã chiết khấu:

	<i>VND</i>
	<i>Dưới 1 năm</i>
Số cuối năm	
Vay và nợ	1.105.702.100.495
Phải trả người bán ngắn hạn	779.782.891
Chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác	28.050.753.753
	<u>1.134.532.637.139</u>
Số đầu năm	
Vay và nợ	-
Phải trả người bán ngắn hạn	535.734.014
Chi phí phải trả ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác	164.875.341
	<u>700.609.355</u>

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty:

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý		Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng				
Tài sản tài chính								
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	24.311.743.892	(15.197.069.914)	37.803.452.517	(15.197.069.914)	9.114.673.978	9.114.673.978	22.606.382.603	22.606.382.603
- Phải thu từ bên khác	24.311.743.892	(15.197.069.914)	37.803.452.517	(15.197.069.914)	9.114.673.978	9.114.673.978	22.606.382.603	22.606.382.603
Phải thu từ cho vay ngắn hạn	354.000.000.000	-	154.000.000.000	-	354.000.000.000	354.000.000.000	154.000.000.000	154.000.000.000
Phải thu khác	10.474.165.516	-	2.917.696.668	-	10.474.165.516	10.474.165.516	2.917.696.668	2.917.696.668
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.226.263.227.436	-	7.914.044.578	-	1.226.263.227.436	1.226.263.227.436	7.914.044.578	7.914.044.578
TỔNG CỘNG	1.615.049.136.844	(15.197.069.914)	202.635.193.763	(15.197.069.914)	1.599.852.066.930	1.599.852.066.930	187.438.123.849	187.438.123.849

	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý		Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm				
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng				
Nợ phải trả tài chính								
Vay và nợ	1.105.702.100.495	-	-	-	1.105.702.100.495	1.105.702.100.495	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn	779.782.891	535.734.014	535.734.014	-	779.782.891	779.782.891	535.734.014	535.734.014
Phải trả khác	28.050.753.753	164.875.341	164.875.341	-	28.050.753.753	28.050.753.753	164.875.341	164.875.341
TỔNG CỘNG	1.134.532.637.139	700.609.355	700.609.355	700.609.355	1.134.532.637.139	1.134.532.637.139	700.609.355	700.609.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng, các khoản phải trả người bán ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu ngắn hạn được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, khả năng trả nợ của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ chưa được niêm yết, các khoản vay ngân hàng và các nợ phải trả tài chính khác, các nghĩa vụ theo hợp đồng thuê tài chính, cũng như các khoản nợ phải trả tài chính dài hạn khác được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có điều kiện, rủi ro tín dụng và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Nguyễn Thị Nga
Người lập biểu



Vũ Thị Lan Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2019